TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-12-2023
V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Đặng Huy Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 308/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 19/02 đường Tân Vũ, tổ dân phố Tân Vũ 2, phường Tràng Cát, quận A, thành phố H.

- *Bị đơn*: Anh Lê Đức Th, sinh năm 1986; nơi ĐKHKTT: Số 19/02 đường Tân Vũ, tổ dân phố Tân Vũ 2, phường Tràng Cát, quận A, thành phố H; hiện đang cư trú tại Hàn Quốc.

Chị Nguyễn Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Đức Th vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tràng Cát, quận A, thành phố H vào ngày 26/02/2010. Sau khi kết hôn vợ cH chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019, anh Th đi Hàn Quốc để lao động. Trong thời gian xa cách, vợ cH bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, do khoảng cách địa lý, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị H và anh Th sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Chị H hiện không liên lạc với anh Th, mọi việc liên quan đến con cái và gia đình anh Th đều liên lạc qua mẹ đẻ anh Th là bà Nguyễn Thị Son nên chị H không biết được địa chỉ của anh Th tại Hàn Quốc để cung cấp cho Tòa án. Nay xét thấy tình cảm vợ cH không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức Th.

Về con chung: Chị H và anh Th có 02 con chung tên là Lê Đức Khôi, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2009 và Lê Đức Khánh, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2013. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con do anh Th hiện đang ở nước ngoài. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh Th tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Lê Đức Th trong quá trình giải quyết vụ án:

Theo Công văn số 28924/QLXNC-P3 ngày 31/10/2023 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện anh Lê Đức Th, sinh ngày 24/10/1986, đã xuất cảnh ngày 24/7/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị Son là mẹ đẻ của anh Lê Đức Th. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 09/11/2023, bà Son trình bày: Anh Th và chị Nguyễn Thị H kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tràng Cát, quận A, thành phố H ngày 26/02/2010. Sau khi kết hôn anh Th và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì anh Th đi lao động ở Hàn Quốc. Thời gian sống ly thân giữa hai anh chị có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Bà Son đã thông báo cho anh Th biết việc chị H xin ly hôn anh Th tại Tòa án. Quan điểm của anh Th là đồng ý ly hôn. Gia đình không có ý kiến gì nếu như chị H và anh Th muốn ly hôn. Về con chung: Anh Th và chị H có 02 con chung tên là Lê Đức Khôi, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2009 và Lê Đức Khánh, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2013, đang ở với chị H, do anh Th không hiện đang ở nước ngoài nên đồng ý giao 02 con chung cho chị H nuôi, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh Th và chị H tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về địa chỉ

nơi cư trú của anh Th: Gia đình không nắm rõ được địa chỉ anh Th ở Hàn Quốc nhưng vẫn liên lạc được với anh Th qua điện thoại và thường xuyên trao đổi với anh Th về các nội dung Tòa án thông báo nên anh Th đã cung cấp các quan điểm như trên. Gia đình cũng đã yêu cầu anh Th cung cấp địa chỉ tại Hàn Quốc nhưng anh Th không cung cấp địa chỉ chính xác cho gia đình được biết. Địa chỉ ĐKHKTT và nơi ở của anh Th trước khi đi Hàn Quốc là: Số 19/02 đường Tân Vũ, tổ dân phố Tân Vũ 2, phường Tràng Cát, quận A, thành phố H.

Do chị Nguyễn Thị H đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức Th vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tràng Cát, quận A, thành phố H ngày 26/02/2010. Sau khi kết hôn vợ cH chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 anh chị có phát sinh mâu thuẫn, anh Th đã sang Hàn Quốc để lao động và anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm và kinh tế. Xét thấy: Hôn nhân giữa chị H và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Về con chung: Anh, chị có 02 con chung tên là Lê Đức Khôi, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2009 và Lê Đức Khánh, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2013, hiện đều đang ở với chị H, khi ly hôn chị H đề nghị được nuôi cả 02 con chung do anh Th đang ở nước ngoài và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy: Cháu Khôi, Khánh hiện nay vẫn ở cùng mẹ, anh Th mặc dù biết chị H xin ly hôn nhưng không có quan điểm gì về vấn đề hôn nhân và con chung, các cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, do đó cần tiếp tục giao các cháu cho chị H nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H có địa chỉ tại H xin ly hôn anh Lê Đức Th hiện đang cư trú tại Hàn Quốc (theo Công văn số 28924/QLXNC-P3 ngày 31/10/2023 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện anh Lê Đức Th, sinh ngày 24/10/1986, đã xuất cảnh ngày 24/7/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là anh Lê Đức Th cùng vắng mặt tại phiên tòa, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn anh Th vắng mặt không có lý do nhưng đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị H và tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, chị H và anh Th có kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tràng Cát, quận A, thành phố H ngày 26/02/2010, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, không thể khắc phục được. Anh chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức Th không hạnh phúc, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh Lê Đức Th.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức Th có 02 con chung tên là Lê Đức Khôi, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2009 và Lê Đức Khánh, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2013, hiện đều đang ở với chị H, anh Th không có mặt tại Việt Nam. Chị H đề nghị được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của các con và đại diện gia đình anh Th nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con Lê Đức Khôi và Lê Đức Khánh cho chị H trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H và anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức Th được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Đức Th.

2. Về con chung: Giao các con chung tên là Lê Đức Khôi, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2009 và Lê Đức Khánh, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu, nên tạm thời Tòa án không giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức Th không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí:Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000230 ngày 13/10/2023 tại

Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh Lê Đức Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Tràng Cát, quận A, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 26/02/2010);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà